

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2024/KDTM - ST

Ngày 30/7/2024

(V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG-TỈNH HẢI DƯƠNG
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông **Vũ Minh Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông **Phạm Huy Diệu** và ông **Vũ Hồ Phương**

Thư ký phiên tòa : Ông **Nguyễn Văn Mạnh**.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Trung**-
Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Ninh Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLST- KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX - KDTM ngày 10 tháng 06 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024 ngày 26/6/2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 16/7/2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quý H**, sinh năm 1982.(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984.(Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Luật sư **Nguyễn Xuân T**-Trưởng chi nhánh Công ty L. Đại chỉ số 335 đường Đ, phường B, thành phố H(Có mặt)

Người có quyền lợi liên quan: chị Lê Thị H1 sinh năm 1988. Chị Nguyễn Thị C sinh năm 1992(Vắng mặt). Đều trú tại: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Chị H1 ủy quyền cho Luật sư **Nguyễn Xuân T**-Trưởng chi nhánh Công ty L. Đại chỉ số 335 đường Đ, phường B, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và biên bản lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Quý H trình bày: Anh Nguyễn Quý H và anh Nguyễn Văn Đ, đã có quan hệ làm ăn buôn bán với nhau từ năm 2106, anh Đ lấy sắt thép, vật liệu xây dựng nhà của anh H để thi công công trình. Trong quá trình bán hàng cho anh Đ, vì tiền vốn bán hàng của anh H không lớn, đồng thời phải quay vòng vốn để tiếp tục nhập hàng nên anh Đ và anh H đã thỏa thuận, anh Đ phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho anh H ngay sau khi anh H giao hàng cho anh Đ, tuy nhiên trong quá trình bán hàng cho anh Đ, anh Đ thường xuyên không thực hiện đúng theo thỏa thuận, không trả nợ đúng hạn, khiến anh H không có tiền nhập hàng mặc dù anh H đã rất nhiều lần yêu cầu anh Đ thanh toán tiền hàng nhưng anh Đ đều khất lần, không thanh toán. Đến thời điểm hiện tại, anh Đ còn nợ anh H tổng số tiền là 144.011.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm mười một nghìn). Cụ thể: Nợ tiền hàng năm 2023, tính đến 28/9/2023 là 116.636.000 đồng. Nợ cũ tiền hàng năm 2022 là 27.375.000 đồng. Tổng nợ, anh Đ còn nợ anh H là 144.011.000 đồng (chốt công nợ ngày 28/9/2023). Số nợ này đã được anh Nguyễn Văn Đ ký xác nhận, tuy nhiên qua nhiều lần làm việc với anh Đ, yêu cầu anh Đ thanh toán tiền hàng trên nhưng anh Đ đều trây ỳ không trả. Nay anh Nguyễn Quý H yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị C trả số tiền là 144.011.000 đồng tiền hàng anh Đ đã lấy nhưng chưa thanh toán cho anh H và toàn bộ số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày xét xử. Trước khi mở phiên tòa lần 2, ngày 26/7/2024 anh Nguyễn Quý H có đơn xin rút yêu cầu tính lãi chậm trả.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị C1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Quý H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H1 nhất trí như yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quý H yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ và chị Vũ Thị C2 phải trả số tiền nợ gốc là 144.011.000đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Vũ Thị C1 trả số nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Quý H với số tiền là 144.011.000 đồng tiền mua thép, vật liệu xây dựng chưa thanh toán, rút yêu cầu tính lãi .

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về thời hiệu và thẩm quyền; Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70; 71; Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H1 đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 73 BLTTDS, chị C1 đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 73 BLTTDS. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự; Điều 11, 24, 55, 306 Luật thương mại, Điều 27 luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 30. Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, Điều 262, Điều 217 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu giải quyết tính lãi trên số nợ gốc của nguyên đơn anh Nguyễn Quý H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quý H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ, chị Vũ Thị C1 liên đới trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh Nguyễn Quý H, chị Lê Thị H1 tổng số tiền nợ gốc 144.011.000đ. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Về án phí; anh Đ bà chị C1 phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 7.200.000đ. Hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[I] Về Tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Quý H khởi kiện anh Nguyễn Văn Đ mua sắt thép, vật liệu xây dựng còn nợ, hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2. Về thẩm quyền: Bị đơn có ĐKKHKT và trú tại: Thôn Q xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nên căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị C1 được triệu tập đến Tòa án nhiều lần và triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ, chị Vũ Thị C1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung tranh chấp:

2.1. Nguyên đơn anh Nguyễn Quý H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Đ trả số tiền là 144.011.000 đồng tiền mua thép, vật liệu xây dựng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quý H HĐXX nhận thấy: Anh Nguyễn Quý H cho rằng từ năm 2016, ông Đ có mua sắt thép, vật liệu xây dựng của anh để làm công trình còn nợ lại số tiền 144.011.000 đồng đến nay không thanh toán nên anh yêu cầu giải quyết buộc anh Đ trả cho anh số tiền trên. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh H đã cung cấp cho Tòa án một “Giấy xác nhận công nợ”, có chữ ký xác nhận của anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị C1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do anh H cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Từ đó, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị C còn nợ anh Nguyễn Quý H số tiền 144.011.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

[4]. Về yêu cầu tính lãi của anh Nguyễn Quý H: Trước khi phiên tòa lần 2, ngày 26/7/202 anh H có đơn xin rút yêu cầu về tính lãi của số tiền chậm trả, đây là sự tự nguyện của anh H nên cần chấp nhận. HĐXX, đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Quý H buộc anh Nguyễn Văn Đ trả tiền lãi của số tiền nợ gốc.

[5]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự; Điều 11, 24, 55, 306 Luật thương mại; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 30, điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Quý H buộc anh Nguyễn Văn Đ phải trả tiền lãi suất của số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quý H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị C liên đới thanh toán cho vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị H1 số tiền nợ gốc là: 144.011.000đ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Vũ Thị C1 liên đới phải chịu 7.200.000 đồng. Anh Nguyễn Quý H đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 3.600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0003482 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Nay hoàn trả lại toàn bộ cho anh Nguyễn Quý H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(chỉ C1) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Hồng Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Hải